

**ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA THỬ HK2 – KHTN 7
PHTRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Ta nói rằng tại một điểm A trong không gian có từ trường khi:

- A. Một vật nhẹ để gần A hút về phía A.
- B. Một thanh đồng để gần A bị đẩy ra xa A.
- C. Một thanh nam châm đặt tại A bị quay lệch khỏi hướng Nam-Bắc.**
- D. Một thanh nam châm đặt tại A bị nóng lên.

Câu 2. Từ trường **không** tồn tại ở đâu ?

- A. Xung quanh nam châm.
- B. Xung quanh dòng điện.
- C. Xung quanh điện tích đứng yên.**
- D. Xung quanh Trái Đất.

Câu 3. Một kim nam châm đặt cân bằng trên trục quay tự do, khi đứng cân bằng thì hai đầu của nó luôn chỉ hướng nào của địa lí?

- A. Bắc – Nam.**
- B. Đông – Tây.
- C. Bắc – Nam xong lại chỉ Đông – Tây.
- D. Đông – Tây xong lại chỉ Bắc – Nam.

Câu 4. Đường sức từ là những đường cong được vẽ theo quy ước nào?

- A. Có chiều từ cực Nam đến cực Bắc bên ngoài thanh nam châm.
- B. Có độ mau thưa tùy ý.
- C. Bắt đầu từ cực này và kết thúc ở cực kia của nam châm.
- D. Có chiều từ cực Bắc tới cực Nam bên ngoài thanh nam châm.**

Câu 5. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò quan trọng đối với

- A. sự chuyển hoá của sinh vật.
- B. sự biến đổi các chất.
- C. sự trao đổi năng lượng.
- D. sự sống của sinh vật.**

Câu 6. Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là

- A. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.
- B. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, ánh sáng, nhiệt độ.**
- C. nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.
- D. nước, hàm lượng khí oxygen, nhiệt độ.

Câu 7. Sản phẩm của quang hợp là

- A. ánh sáng, diệp lục.
- B. oxygen, glucose.
- C. nước, carbon dioxide.
- D. glucose, nước.

Câu 8. Cơ quan trao đổi khí ở giun đất, cá lặn lợt là

- A. qua da, qua hệ thống ống khí**
- B. qua mang, qua hệ thống ống khí
- C. qua phổi, qua hệ thống ống khí
- D. qua hệ thống ống khí, qua da

Câu 9. Cho các đặc điểm sau:

- (1) Được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- (2) Tốc độ thoát hơi nước nhanh.
- (3) Không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

(4) Tốc độ thoát hơi nước chậm.

Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có những đặc điểm nào?

A. (1), (2).

B. (2), (3).

C. (3), (4).

D. (1),(4).

Câu 10. Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở người:

A. nghiền nát – tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng – đào thải.

B. tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng– nghiền nát – đào thải.

C. chuyển hóa dinh dưỡng – tiếp nhận thức ăn – nghiền nát – đào thải.

D. tiếp nhận thức ăn – nghiền nát – chuyển hóa dinh dưỡng – đào thải.

Câu 11. Khi ta chạm tay vào lá cây trinh nữ (xấu hổ), lá cây sẽ cuộn lại (hình bên). Đây là hiện tượng gì?

A. hiện tượng va chạm.

B. hiện tượng cảm ứng.

C. hiện tượng hóa học.

D. hiện tượng sinh học.

Câu 12. Sinh trưởng ở sinh vật là

A. sự tăng về khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

B. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về khối lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

C. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể nhờ đó cơ thể lớn lên.

D. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

Câu 13. Phát triển bao gồm

A. sinh trưởng, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

B. sinh trưởng, phân hóa tế bào.

C. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

D. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát triển hình thái cơ quan và cơ thể.

Câu 14: Mô phân sinh đỉnh giúp thân, cành và rễ tăng lên về

A. chiều dài.

B. chiều rộng.

C. khối lượng.

D. trọng lượng.

Câu 15. Còi xương, chậm lớn ở động vật và người do thiếu

A. vitamin C.

B. vitamin D.

C. vitamin A.

D. vitamin E.

Câu 16. Hình thức sinh sản nào sau đây là sinh sản vô tính?

A. Đẻ trứng.

B. Đẻ con.

C. Phân đôi cơ thể.

D. Đẻ trứng và đẻ con.

Câu 17. Phương pháp nhân giống cây trồng nào sau đây cho ra số cây giống nhanh, đồng loạt, số lượng lớn, giá thành rẻ?

A. Giâm cành.

B. Chiết cành.

C. Ghép cây.

D. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

Câu 18. Các hình thức sinh sản ở thực vật gồm:

A. Sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử.

B. Sinh sản bằng hạt và sinh sản bằng chồi.

C. Sinh sản bằng rễ và bằng thân và bằng lá.

D. Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

Câu 19. Sinh sản hữu tính ở sinh vật là quá trình

A. tạo ra cơ thể mới từ một phần của cơ thể mẹ hoặc bố.

B. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành bào tử, bào tử phát triển thành cơ thể mới.

C. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử, hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

D. tạo ra cơ thể mới từ cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ.

Câu 20. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật gồm

A. ánh sáng, nhiệt độ, nước, chất dinh dưỡng.

B. ánh sáng, đặc điểm loài, nước, hormone sinh sản.

C. đặc điểm loài, nước, nhiệt độ, chất dinh dưỡng.

D. ánh sáng, nhiệt độ, nước, chất dinh dưỡng